

thêm 1 lần nữa. Gộp các dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Thực địa (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, tiến hành chiết như dung dịch thử, bắt đầu từ “chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với *methanol* (TT)... Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT)”.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm đến 14 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric* (TT), sấy ở 120 °C đến khi hiện rõ vết.

Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - *ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm, cắt nhỏ (hoặc nghiền mịn), thêm 30 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Bổ thận, cố tinh. Chủ trị: Thận hư, phòng sự yếu, di mộng tinh, kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, đau thắt lưng, mỏi gối, ù tai.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần uống 1 hoàn mềm, ngày dùng 2 lần.

Kiêng kỵ

Không nên dùng thuốc trong trường hợp ngoại cảm, kiết lỵ. Kiêng các chất cay, nóng, chất kích thích khi dùng thuốc.

HOÀN THẬP TOÀN ĐẠI BỔ

Công thức

Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	150 g
Bạch truật sao cám (<i>Atractylodis macrocephalae Radix Praeparata</i>)	100 g

Phục linh (<i>Poria</i>)	80 g
Cam thảo chích mật (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma Praeparatum cum Melle</i>)	80 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	100 g
Xuyên khung tẩm rượu (<i>Chuanxiong Rhizoma Praeparatum cum Vino</i>)	80 g
Bạch thược tẩm rượu sao (<i>Paeoniae Radix Alba Praeparatum cum Vino</i>)	100 g
Thực địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	150 g
Hoàng kỳ chích mật (<i>Astragali membranacei Radix Praeparatum cum Melle</i>)	150 g
Quế nhục (<i>Cinnamomi Cortex</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Thực địa thái lát và sấy khô. Quế nhục cạo bỏ lớp vỏ (vỏ ngoài). Đương quy rửa sạch, thái phiến, làm khô. Phục linh: gọt vỏ, thái mỏng hoặc đập nhỏ, làm khô. Đảng sâm: rửa sạch, hấp chín, làm khô. Nghiền các vị thuốc thành bột mịn, trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột kép thêm 30 g đến 50 g mật luyện và hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp và làm hoàn cứng. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 120 g mật luyện, trộn đều cho mềm nhuyễn, làm viên hoàn mềm 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu nâu đến nâu đen, mùi thơm, vị ngọt sau hơi đắng cay.

Định tính

A. Định tính Phục linh, Quế nhục và Hoàng kỳ: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Phục linh, bột Quế nhục và bột Hoàng kỳ (mẫu chuẩn) thấy các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Phục linh. Các tế bào mô cứng màu vàng nâu, đứng riêng lẻ hay tụ thành đám, hình trái xoan hay hình chữ nhật với thành rất dày khoang rộng có ống trao đổi rõ, một số tế bào có thành mỏng về một phía của Quế. Sợi thành bó hay rải rác, thành dày với những kẽ nứt dọc trên bề mặt, hai đầu sợi thường bị gãy thành dạng tua như chổi hoặc gãy cụt của Hoàng kỳ.

B. Định tính Bạch thược

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat* - *acid acetic* - *acid formic* - *nước* (10 : 1 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Nghiền 12 g hoàn với 6 g Kieseluhr, thêm 80 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn khô, hòa tan cồn khô trong 20 ml *nước*, lọc qua bông. Lắc dịch lọc với *n-butanol bão hòa nước* (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng 20 ml *nước*, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết

butanol trên cách thủy đến khô. Hòa tan căn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan paeoniflorin chuẩn trong *ethanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 2 mg/ml.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Nếu không có paeoniflorin, lấy 2 g bột thô Bạch thược (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn khô, hòa tan căn khô trong 20 ml nước, lọc qua bông. Lắc dịch lọc với *n-butanol* bão hòa nước (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng 20 ml nước, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết butanol trên cách thủy đến khô. Hòa tan căn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 110 °C cho đến khi các vết xuất hiện. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết của paeoniflorin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

C. Định tính Đảng sâm

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 8 g hoàn, nghiền nhỏ, nếu là hoàn mềm thì cắt nhỏ, thêm 30 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Khuấy kỹ căn với *n-butanol* (TT) 3 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa căn trong 5 ml *ethanol* (TT), thêm 30 ml dung dịch acid sulfuric 20 % (TT), đun sôi hồi lưu trong 2 h, để nguội, lọc lấy tủa, rửa bằng nước cất cho hết phản ứng acid, sấy khô ở 70 °C. Thêm vào tủa 20 ml cloroform (TT), đun trên cách thủy nóng, để nguội, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa căn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Đảng sâm (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ, thêm 20 ml *ethanol* 96 % (TT) và chiết như dung dịch thử, bắt đầu từ “đun sôi trên cách thủy 30 min...”

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), sấy ở 110 °C cho đến khi các vết xuất hiện. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm, cắt nhỏ (hoặc nghiền mịn), thêm 30 ml ether ethylic (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến khô cạn. Hòa căn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml ether ethylic (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến khô cạn. Hòa căn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

E. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm, cắt nhỏ cho vào cốc có mô. Thêm 20 ml *n-butanol* (TT), lắc kỹ (chiết 2 lần), lấy dịch chiết *n-butanol*, cô tới cạn. Hòa tan căn trong 1 ml *ethanol* 96 % (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 20 g Thục địa (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ hoặc nghiền mịn, tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong *ethanol* (TT), sấy ở 105 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 85 °C, 5 h).

Độ rã (Phụ lục 11.6)

Không quá 1 h (Chỉ áp dụng cho hoàn cứng).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ôn bổ khí huyết. Chủ trị: Khí huyết bất túc, hư lao, ho khan, ăn kém, di tinh, thắt lưng đau gối yếu, vết thương lâu lành; phụ nữ băng kinh.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần uống 6 g hoàn cứng hoặc 1 hoàn mềm, ngày dùng 2 đến 3 lần.